TÒA ÁN NDÂN **HUYỆN K** **TỈNH H** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 3 - 2022
V/v: Ly hôn

NDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NDÂN HUYỆN K, TỈNH H
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm Ndân: Ông Phạm Hùng Cường
Bà Nguyễn Thị Hưởng
- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Đình Vân Hiền - Cán bộ Tòa án Ndân huyện K- H.
- *Đại diện Viện kiểm sát Ndân huyện K tham gia phiên tòa*: Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Ndân huyện Kxét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn Nvà gia đình thụ lý số 249/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST ngày 25/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1972
Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K.
Có mặt tại phiên tòa.
Bị đơn: Anh Đỗ Thành N - sinh năm 1965
Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 15/10/2021, bản tự khai ngày 04/11/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và anh Đỗ Thành N tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, đến năm 1992 mới đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND thị trấn K. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên Nlà do anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, chăm sóc, quan tâm đến gia đình, luôn dùng lời nói xúc phạm, đánh đập chị dẫn đến vợ chồng luôn kình cãi, cuộc sống hôn Nkhông hạnh phúc. Chị đã nhiều lần tạo điều kiện, nhưng anh N vẫn không thay đổi bản tính. Tình cảm giữa chị và anh N đã không còn, chị yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Đỗ Thành N.

Về con chung: có 03 con chung là Đỗ Thị Thủy Tiên - sinh năm 1991, Đỗ Thủy Thạch Thảo - sinh năm 2000 và Đỗ Trí Trung - sinh ngày 04/02/2004. Cháu Tiên, Thảo đã trưởng thành, khỏe mạnh và chị không có yêu cầu gì. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị xác định giữa chị và anh N không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh Đỗ Thành N đến Tòa án làm việc, nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản, giấy tờ tài liệu cần thiết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Đỗ Thành N; con chung: có 03 con chung là Đỗ Thị Thủy Tiên - sinh năm 1991, Đỗ Thủy Thạch Thảo - sinh năm 2000 và Đỗ Trí Trung - sinh ngày 04/02/2004. Cháu Tiên, Thảo đã trưởng thành, khỏe mạnh và chị không có yêu cầu gì. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: chị xác định giữa chị và anh N không có nợ chung. Bị đơn anh Đỗ Thành N vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát Ndân huyện K- H phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Bị đơn anh Đỗ Thành N vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Đỗ Thành N. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Trí Trung - sinh ngày 04/02/2004 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung: Chị T và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; nợ chung: chị T xác định không có nên không xem xét. Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn Nvà gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Đỗ Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Đỗ Thành N.

[2]. *Về quan hệ hôn N*: chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Thành N tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14/1992 ngày 14/02/1992 theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhan hợp pháp. Quá trình chung sống, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, theo chị T nguyên N là do anh N có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, thường xuyên nhậu nhẹt, không lo làm ăn, chăm sóc, quan tâm đến gia đình, luôn dùng lời nói xúc phạm, đánh đập chị. Chị T không còn chung sống với anh N từ tháng 10/2021 cho đến nay. Do đó, tình cảm chị T dành cho anh N không còn. Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2022, ông Võ Nguyên Sơn - Phó Chủ tịch thị trấn K thể hiện: Vợ chồng chị T và anh N không có yêu cầu hòa giải mâu thuẫn gia đình nên địa phương không nghe thông tin gì về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh N. Anh Đỗ Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Nkhông đến Tòa án làm việc. Điều này chứng tỏ, anh N không còn quan tâm đến cuộc hôn N này nên cho thấy hôn Ngiữa chị T và anh N đã không còn tình cảm yêu thương gì với nhau, dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, làm cho hôn N lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc

phục, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn N không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Thành N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. *Về con chung*: Chị T và anh N có 03 con chung là Đỗ Thị Thủy Tiên - sinh năm 1991, Đỗ Thủy Thạch Thảo - sinh năm 2000 và Đỗ Trí Trung - sinh ngày 04/02/2004. Cháu Tiên, Thảo đã trưởng thành, khỏe mạnh và chị T không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Đỗ Trí Trung có nguyện vọng được ở với chị T, hiện tại chị T là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là yêu cầu chính đáng của chị T phù hợp với pháp luật nên cần để chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trung.

[4]. *Về tài sản chung*: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: chị T xác định giữa chị và anh N không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: chị T phải nộp án phí hôn N và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn Nvà gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. *Về quan hệ hôn N*: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đỗ Thành N.

[2]. *Về con chung*: Giao con chung là Đỗ Trí Trung - sinh ngày 04/02/2004, cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Thành Ncó quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, chị T, anh N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung*: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về nợ chung*: không có.

[5]. *Về án phí:* chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn Nvà gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), mà chị T đã nộp theo biên lai thu

tiền số AA/2021/0007551 ngày 25/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K- H; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện K;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện K;
- Ủy ban nhân dân thị trấn K(nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Vũ Thị Kim Vinh